

Màn hình Dell UltraSharp 32 inch

Sổ tay hướng dẫn sử dụng

Số mẫu: UP3216Q
Mẫu quy định: UP3216Qt





LƯU Ý: LƯU Ý cho biết thông tin quan trọng giúp bạn sử dụng máy tính hiệu quả hơn.



CHÚ Ý: CHÚ Ý cho biết thiệt hại tiềm ẩn đối với phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu bạn không thực hiện theo các hướng dẫn.




CẢNH BÁO: CẢNH BÁO cho biết nguy cơ gây thiệt hại tài sản, tổn thương cơ thể hoặc gây tử vong.

Bản quyền © 2015-2019 Dell Inc. Bảo lưu mọi bản quyền. Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và luật sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế.

Logo Dell™ và Dell là các thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các cơ quan thẩm quyền khác. Mọi nhãn hiệu và tên khác được đề cập trong tài liệu này có thể là thương hiệu của các công ty sở hữu liên quan.

Mục lục



| | | |
|----------|---|-----------|
| 1 | Giới thiệu màn hình. | 5 |
| | Phụ kiện trọn gói | 5 |
| | Tính năng sản phẩm | 7 |
| | Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển | 8 |
| | Thông số kỹ thuật màn hình | 11 |
| | Tính năng Cẩm Là Chạy | 20 |
| | Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD | 20 |
| | Hướng dẫn bảo dưỡng | 21 |
| 2 | Lắp đặt màn hình. | 22 |
| | Gắn giá đỡ | 22 |
| | Kết nối màn hình của bạn | 22 |
| | Kết nối cáp USB 3.0 | 23 |
| | Bố trí cáp | 24 |
| | Lắp nắp đậy cáp | 24 |
| | Tháo giá đỡ màn hình | 25 |
| | Giá treo tương (Tùy chọn) | 25 |
| 3 | Sử dụng màn hình. | 27 |
| | Sử dụng các nút điều khiển mặt trước | 27 |
| | Sử dụng menu ảo (OSD) | 30 |
| | Sử dụng các tính năng Tilt (Nghiêng), Swivel (Xoay) và Vertical Extension (Kéo dài thẳng) | 45 |
| | Khắc phục sự cố | 46 |
| | Tự kiểm tra | 46 |
| | Chẩn đoán tích hợp | 47 |
| | Các sự cố thường gặp | 49 |
| | Sự cố liên quan đến sản phẩm | 52 |
| | Khắc phục lỗi đầu đọc thẻ | 54 |




| | | |
|----------|--|-----------|
| 4 | Phụ lục | 56 |
| |  CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn | 56 |
| | Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác | 56 |
| | Liên hệ Dell | 56 |
| | Cài đặt màn hình | 57 |





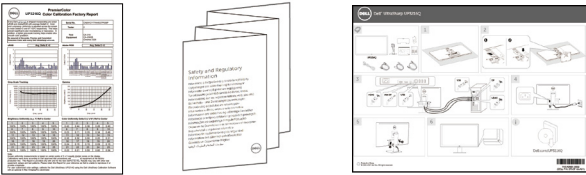
Giới thiệu màn hình

Phụ kiện trọn gói

Màn hình của bạn được gửi kèm các phụ kiện như liệt kê dưới đây. Đảm bảo bạn đã nhận tất cả các phụ kiện này và [Liên hệ Dell](#) nếu thiếu bất kỳ phụ kiện nào.

-  **LƯU Ý:** Một số phụ kiện có thể tùy chọn và không được gửi kèm màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc thiết bị có thể không có sẵn ở một số quốc gia.
-  **LƯU Ý:** Để lắp đặt với bất kỳ giá đỡ nào khác, vui lòng tham khảo sổ hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.

| | |
|---|---|
|  | <ul style="list-style-type: none">• Màn hình |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Giá đỡ |
|  | <ul style="list-style-type: none">• Nắp đậy cáp |

| | |
|---|---|
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Cáp điện (khác nhau ở mỗi quốc gia) |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Cáp HDMI(MHL) |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Cáp DisplayPort (Kết nối Mini-DP với DP) |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Cáp ngược dòng USB 3.0 (kích hoạt các cổng USB trên màn hình) |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Sổ hướng dẫn cài đặt nhanh • Thông tin an toàn và quy định • Báo cáo hiệu chỉnh gốc |

Tính năng sản phẩm

Màn hình Dell UltraSharp 32 inch (Số mẫu UP3216Q) có một màn hình tinh thể lỏng (LCD) tranzito màng mỏng (TFT) ma trận hoạt động và đèn nền LED. Các tính năng của màn hình bao gồm:

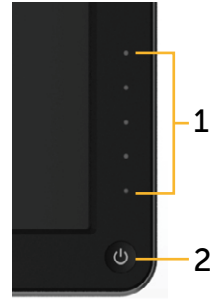
- Màn hình có vùng hoạt động 68,5 cm (27 inch) (đo theo đường chéo) độ phân giải 3840 x 2160 , ngoài việc hỗ trợ toàn màn hình cho độ phân giải thấp hơn.
- Có khả năng chỉnh nghiêng, xoay, quay và kéo dài thẳng
- Bộ đỡ rời và các lỗ lắp đặt 100 mm theo Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) giúp mang lại các giải pháp lắp đặt linh động.
- Có sẵn tính năng Cắm Là Chạy (Plug and play) nếu được hỗ trợ bởi hệ thống của bạn.
- Điều chỉnh menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng cài đặt và tối ưu hóa màn hình.
- Khe khóa an toàn.
- Khả năng quản lý tài sản.
- Chứng nhận Energy Star.
- EPEAT đã được đăng ký tại nơi áp dụng. Đăng ký EPEAT sẽ khác nhau theo từng quốc gia. Truy cập www.epeat.net để biết tình trạng đăng ký theo từng quốc gia.
- Tuân thủ RoHS.
- Màn hình không cần dùng BFR/PVC (loại trừ cáp).
- Thủy tinh không asen và Không thủy ngân.
- Phần mềm Energy Gauge hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ trong thời gian thực bởi màn hình.
- Màn hình được chứng nhận TCO.

Nhận biết các bộ phận và nút điều khiển

Mặt trước



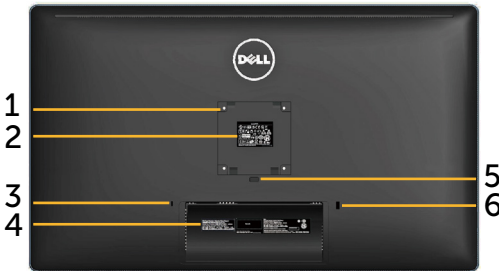
Mặt trước



các nút điều khiển mặt bên

| Nhãn | Mô tả |
|------|---|
| 1 | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử dụng màn hình) |
| 2 | Nút bật/tắt nguồn (kèm theo đèn báo LED) |

Mặt sau



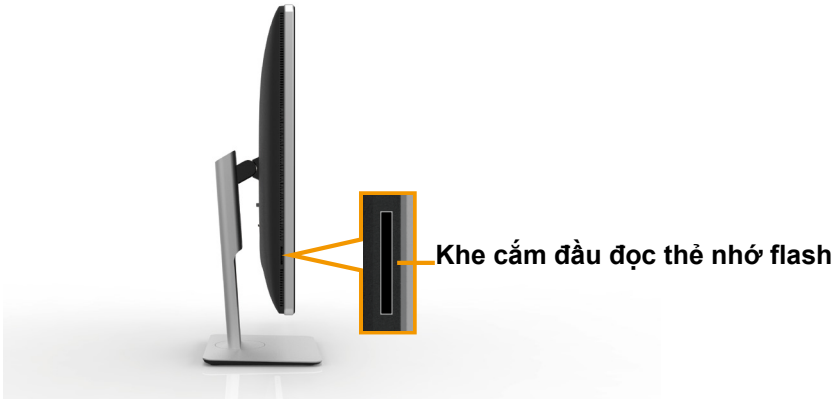
Mặt sau



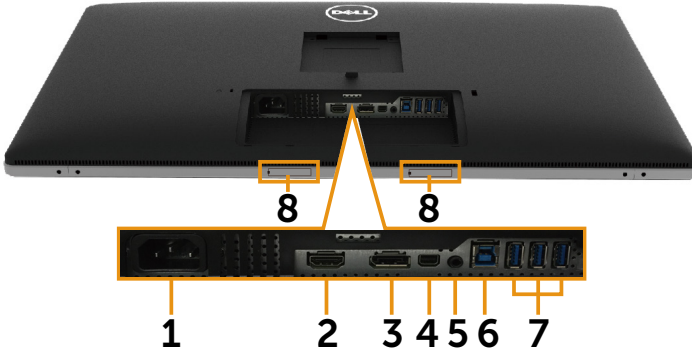
Mặt sau cùng giá đỡ màn hình

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|--|--|
| 1 | Các lỗ lắp đặt theo chuẩn VESA (100 mm x 100 mm - nằm sau nắp đậy VESA đã lắp) | Lắp màn hình lên tường bằng bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA (100 mm x 100 mm). |
| 2 | Nhãn quy định | Liệt kê các thông số chấp nhận theo quy định. |
| 3 | Khe khóa an toàn | Giữ chặt màn hình bằng khóa cáp an toàn. |
| 4 | Nhãn số serial mã vạch | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. |
| 5 | Nút nhả giá đỡ | Nhả giá đỡ ra khỏi màn hình. |
| 6 | Cổng xuôi dòng USB dùng để sạc pin | Kết nối thiết bị USB. Bạn chỉ có thể dùng cổng cắm này sau khi đã kết nối cáp USB với máy tính và cổng cắm ngược dòng USB trên màn hình. |
| 7 | Khe quản lý cáp | Dùng để sắp xếp các loại cáp bằng cách đặt chúng xuyên qua khe này. |

Mặt bên cạnh



Mặt dưới



| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---------------------------------|--|
| 1 | Đầu cắm nguồn AC | Để cắm cáp nguồn màn hình. |
| 2 | Cổng HDMI (MHL) | Kết nối máy tính bằng cáp HDMI hoặc thiết bị MHL bằng cáp MHL (tùy chọn). |
| 3 | Đầu cắm DP (vào) | Kết nối máy tính bằng cáp DP. |
| 4 | Đầu cắm mini DP (vào) | Kết nối máy tính bằng cáp nối mini DP với DP. |
| 5 | Cổng đầu ra âm thanh | Kết nối loa với âm thanh phát lại qua các kênh âm thanh HDMI hoặc DisplayPort. Chỉ hỗ trợ âm thanh 2 kênh. LƯU Ý: Cổng đầu ra âm thanh không hỗ trợ tai nghe. |
| 6 | Cổng ngược dòng USB | Cắm cáp USB kèm theo màn hình vào máy tính. Một khi đã cắm cáp này, bạn có thể sử dụng cổng cắm xuôi dòng USB trên màn hình. |
| 7 | Các cổng xuôi dòng USB | Kết nối các thiết bị USB. * Bạn chỉ có thể sử dụng các cổng cắm này sau khi đã cắm cáp USB vào máy tính và cổng cắm ngược dòng USB trên màn hình. |
| 8 | Khe cắm hệ thống loa thanh Dell | Lắp đặt hệ thống loa thanh Dell tùy chọn. ƯU Ý: Hãy tháo dải nhựa bao phủ các khe lắp trước khi lắp Thanh Âm Thanh của Dell. |

Thông số kỹ thuật màn hình

Thông số kỹ thuật màn hình phẳng

| | |
|--|--|
| Loại màn hình | Màn hình LCD TFT ma trận chủ động |
| Loại bảng điều khiển | Khi chuyển đổi mặt phẳng |
| Kích thước hình có thể xem Chéo Ngang Dọc | 80,1 cm (cỡ hình có thể xem 31,5 inch) 697,9 mm (27,5 inch) 392,6 mm (15,5 inch) |
| Khoảng cách giữa các điểm ảnh | 0,182mm |
| Góc xem | 178° (dọc) chuẩn, 178° (ngang) chuẩn |
| Đầu ra độ sáng | 300 cd/m ² (chuẩn) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000:1 (chuẩn) |
| độ tương phản động siêu cao đang bật | 2,000,000:1 |
| Lớp phủ bề mặt | Chống lóa với lớp phủ cứng 3H |
| Đèn nền | Hệ thống ánh sáng biên LED |
| Response Time (Thời gian đáp ứng) | 8 ms (chuẩn), 6ms (chế độ nhanh) |
| Độ sâu màu | 1,0737 tỉ (10 bit) |
| Gam màu (Chuẩn) | Độ phủ sóng 100% (sRGB) 99,5% (Adobe RGB) |

Thông số kỹ thuật độ phân giải

| | |
|---------------------|-----------------------------|
| Dải quét ngang | 30 kHz và 140 kHz (tự động) |
| Dải quét dọc | 24Hz và 75Hz (tự động) |
| Độ phân giải tối đa | 3840 x 2160 ở mức 60Hz |

Chế độ hỗ trợ video

| | |
|---|----------------------------------|
| Khả năng hiển thị video (Phát lại HDMI) | 480p, 576p, 720p, 1080p và 2160p |
|---|----------------------------------|


Chế độ hiển thị cài sẵn

| Chế độ hiển thị | Tần số ngang (kHz) | Tần số dọc (Hz) | Đồng hồ điểm ảnh (MHz) | Cực đồng bộ (Ngang/Dọc) |
|-----------------|--------------------|-----------------|------------------------|-------------------------|
| 720 x 400 | 31,5 | 70,0 | 28,3 | -/+ |
| 640 x 480 | 31,5 | 60,0 | 25,2 | -/- |
| 640 x 480 | 37,5 | 75,0 | 31,5 | -/- |
| 800 x 600 | 37,9 | 60,0 | 40,0 | +/+ |
| 800 x 600 | 46,9 | 75,0 | 49,5 | +/+ |
| 1024 x 768 | 48,4 | 60,0 | 65,0 | -/- |
| 1024 x 768 | 60,0 | 75,0 | 78,8 | +/+ |
| 1152 x 864 | 67,5 | 75,0 | 108,0 | +/+ |
| 1280 x 800 | 49,3 | 60,0 | 71,0 | +/+ |
| 1280 x 1024 | 64,0 | 60,0 | 108,0 | +/+ |
| 1280 x 1024 | 80,0 | 75,0 | 135,0 | +/+ |
| 1600 x 1200 | 75,0 | 60,0 | 162,0 | -/+ |
| 1920 x 1080 | 67,5 | 60,0 | 193,5 | +/+ |
| 2048 x 1152 | 71,6 | 60,0 | 197,0 | +/- |
| 2560 x 1440 | 88,8 | 60,0 | 241,5 | +/- |
| 3840 x 2160 | 65,68 | 30,0 | 262,75 | +/+ |
| 3840 x 2160 | 133,313 | 60,0 | 533,25 | +/+ |

Thông số kỹ thuật điện

| | |
|-------------------------------------|---|
| Tín hiệu đầu vào video | Tín hiệu video số cho từng dòng khác biệt, dòng khác biệt trước với trở kháng 100. Hỗ trợ đầu vào tín hiệu HDMI1.4/HDMI2.0(MHL2.0). |
| Điện áp/tần số/dòng điện đầu vào AC | 100 - 240 VAC/50 hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,7 A (Tối đa) |
| Dòng điện khởi động | 120 V:30 A (Tối đa) 240 V:60 A (Tối đa) |

Đặc tính vật lý

| | |
|--------------------------|---|
| Loại đầu cắm | Đầu cắm HDMI(MHL). Đầu cắm DisplayPort. Đầu cắm Mini DisplayPort . Đầu nối cổng truyền cập nhật USB 3.0. 4 cổng cắm xuôi dòng USB 3.0. (Cổng có biểu tượng ánh sáng  dùng cho BC 1,2) |
| Loại cáp tín hiệu | cáp HDMI 1,8 M. cáp nối DisplayPort với Mini DisplayPort 1,8 M. cáp USB 3.0 1,8 M. |

Kích thước (có giá đỡ)

| | |
|---------------------|----------------------|
| Độ cao (đã mở rộng) | 572,4 mm (22,5 inch) |
| Độ cao (đã nén) | 482,6 mm (19,0 inch) |
| Chiều rộng | 749,9 mm (29,5 inch) |
| Độ dày | 214,0 mm (8,4 inch) |

Kích thước (không có giá đỡ)

| | |
|------------|----------------------|
| Chiều cao | 444,6 mm (17,5 inch) |
| Chiều rộng | 749,9 mm (29,5 inch) |
| Độ dày | 51,5 mm (2,0 inch) |

Kích thước giá đỡ

| | |
|---------------------|----------------------|
| Độ cao (đã mở rộng) | 418,1 mm (16,5 inch) |
| Độ cao (đã nén) | 381,8 mm (15,0 inch) |
| Chiều rộng | 250,0 mm (9,8 inch) |
| Độ dày | 214,0 mm (8,4 inch) |

Trọng lượng

| | |
|--|---|
| Trọng lượng có thùng đựng | 15,2 kg (33,44 pound) |
| Trọng lượng có kèm theo giá đỡ lắp vào và các loại cáp | 11,2 kg (24,64 pound) |
| Trọng lượng không kèm theo giá đỡ lắp vào (Xem xét đến giá đỡ treo tường hoặc giá đỡ VESA - chưa có cáp) | 8,6 kg (18,92 pound) |
| Trọng lượng của giá đỡ lắp vào | 2,6 kg (5,72 pound) |
| Độ bóng khung trước | Khung đen - Thiết bị bóng 13,0 (tối đa) |

Đặc tính môi trường

Nhiệt độ

| | |
|-----------------|--|
| Hoạt động | 0 °C đến coverage 35 °C |
| Không hoạt động | Bảo quản: -20 °C - 65 °C (-4 °F - 140 °F) Vận chuyển: -20 °C - 65 °C (-4 °F - 140 °F) |

Độ ẩm

| | |
|-----------------|--|
| Hoạt động | 10% - 80% (không ngưng tụ) |
| Không hoạt động | Bảo quản: 5% - 90% (không ngưng tụ) Vận chuyển: 5% - 90% (không ngưng tụ) |

Độ cao

| | |
|---------------------|---|
| Hoạt động | Tối đa 5,000 m (16,404 ft) |
| Không hoạt động | Tối đa 12,191 m (40,000 ft) |
| Công suất tản nhiệt | 443,80 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (tối đa) 204,80 đơn vị nhiệt Anh (BTU)/giờ (quy chuẩn) |

Chế độ quản lý nguồn

Nếu bạn đã cài đặt card màn hình hay phần mềm tuân thủ chuẩn DPM™ VESA vào máy tính, màn hình sẽ tự động giảm mức tiêu thụ điện khi không sử dụng. Chức năng này được gọi là Chế Độ Tiết Kiệm Điện*. Nếu máy tính phát hiện đầu vào từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị đầu vào khác, màn hình sẽ tự động tiếp tục hoạt động. Bảng sau đây sẽ hiển thị mức tiêu thụ điện và cách truyền tín hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này:

| Chế độ VESA | Đồng bộ ngang | Đồng bộ dọc | Video | Đèn báo nguồn | Mức tiêu thụ điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|----------------|-----------------------------------|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Trắng | 70 W (chuẩn)/ 130 W (tối đa)** |
| Chế độ tắt hoạt động | Không hoạt động | Không hoạt động | Tắt | Sáng màu trắng | Dưới 0,3 W |
| Tắt | - | - | - | Tắt | Dưới 0,3 W |

| Energy Star | Mức tiêu thụ điện |
|------------------|-------------------|
| P _{ON} | 44,4 W*** |
| E _{TEC} | 137,7 kWh*** |

Menu OSD sẽ chỉ hoạt động ở chế độ hoạt động bình thường. Khi nhấn bất kỳ nút nào ở chế độ Tắt hoạt động, thông báo sau đây sẽ hiển thị:

There is no signal coming from your computer. Press any key on the keyboard or move the mouse to wake it up. If there is no display, press the monitor button now to select the correct input source on the On-Screen-Display menu.



- * Chỉ có thể đạt mức tiêu thụ điện bằng 0 ở chế độ OFF (TẮT) khi rút adapter nguồn ra khỏi màn hình.
- **Mức tiêu thụ điện tối đa với độ sáng tối đa.
- ***Mức tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.
- ****Tổng mức tiêu thụ năng lượng bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và phản ánh hiệu suất hoạt động ở phòng thí nghiệm. Sản phẩm có thể hoạt động khác nhau, tùy thuộc vào phần mềm, các linh kiện và thiết bị ngoại vi mà quý khách đã đặt mua và chúng tôi không có trách nhiệm phải cập nhật thông tin này. Do đó, quý khách không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về độ dung sai điện hoặc bằng cách khác. Không có bảo đảm về độ chính xác hoặc sự hoàn chỉnh của sản phẩm được nêu rõ hay ngụ ý.

Kích hoạt máy tính và màn hình để truy cập menu OSD.

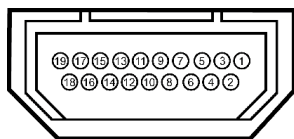


LƯU Ý: Màn hình này tuân thủ chuẩn **ENERGY STAR®**.



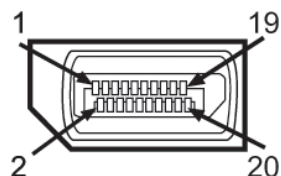
Cách gán chấu cắm

Đầu cắm HDMI



| Số chấu cắm | Mặt 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối | Số chấu cắm | Mặt 19 chấu của cáp tín hiệu vừa kết nối |
|-------------|--|-------------|--|
| 1 | DỮ LIỆU TMDS 2+ | 11 | MÀNG CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS |
| 2 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2 | 12 | ĐỒNG HỒ TMDS- |
| 3 | DỮ LIỆU TMDS 2- | 13 | CEC |
| 4 | DỮ LIỆU TMDS 1+ | 14 | NC |
| 5 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1 | 15 | ĐỒNG HỒ DDC (SCL) |
| 6 | DỮ LIỆU TMDS 1- | 16 | DỮ LIỆU DDC (SDA) |
| 7 | DỮ LIỆU TMDS 0+ | 17 | GND |
| 8 | MÀNG CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0 | 18 | NGUỒN +5 V |
| 9 | DỮ LIỆU TMDS 0- | 19 | PHÁT HIỆN CẢM NÓNG |
| 10 | ĐỒNG HỒ TMDS+ | | |

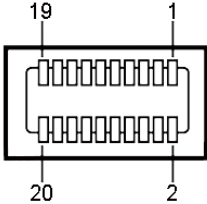
Đầu cắm DisplayPort (gồm đầu vào DP và đầu ra DP)



| Số chấu cắm | Cạnh đầu cắm màn hình 20 chân cắm | Số chấu cắm | Cạnh đầu cắm màn hình 20 chân cắm |
|-------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|
| 1 | ML3(n) | 11 | GND |
| 2 | GND | 12 | ML0(p) |
| 3 | ML3(p) | 13 | GND |
| 4 | ML2(n) | 14 | GND |
| 5 | GND | 15 | AUX (p) |

| | | | |
|----|--------|----|--------------------|
| 6 | ML2(p) | 16 | GND |
| 7 | ML1(n) | 17 | AUX (n) |
| 8 | GND | 18 | HPD |
| 9 | ML1(p) | 19 | RTN |
| 10 | ML0(n) | 20 | +Chấu DP PWR 3,3 V |

Đầu cắm Mini DisplayPort




| Số chấu cắm | Cạnh đầu cắm màn hình 20 chân cắm | Số chấu cắm | Cạnh đầu cắm màn hình 20 chân cắm |
|-------------|-----------------------------------|-------------|-----------------------------------|
| 1 | GND | 11 | ML2(p) |
| 2 | Phát hiện cắm nóng | 12 | ML0(p) |
| 3 | ML3(n) | 13 | GND |
| 4 | CONFIG1 | 14 | GND |
| 5 | ML3(p) | 15 | ML1(n) |
| 6 | CONFIG2 | 16 | AUX (p) |
| 7 | GND | 17 | ML1(p) |
| 8 | GND | 18 | AUX (n) |
| 9 | ML2(n) | 19 | RTN |
| 10 | ML0(n) | 20 | +Chấu DP PWR 3,3 V |

Giao diện buýt nối tiếp đa năng (USB)

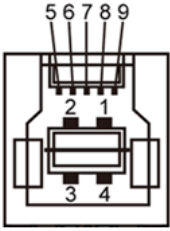
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có sẵn ở mặt sau và mặt dưới màn hình.

LƯU Ý: Các cổng USB trên màn hình này tương thích chuẩn USB 3.0.

| Tốc độ truyền | Tốc độ dữ liệu | Tiêu thụ điện |
|---------------|----------------|-----------------------------|
| Siêu tốc | 5 Gb/giây | 4,5 W (Tối đa cho mỗi cổng) |
| Tốc độ cao | 480 Mb/giây | 2,5 W (Tối đa cho mỗi cổng) |
| Tốc độ đầy đủ | 12 Mb/giây | 2,5 W (Tối đa cho mỗi cổng) |

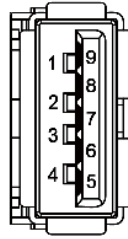
LƯU Ý: 2 A trên cổng xuôi dòng USB (cổng  có biểu tượng ánh sáng) với các thiết bị tương thích BC 1.2; lên đến 0,9 A trên các cổng xuôi dòng 3 USB còn lại.

Cổng cắm ngược dòng USB



| Số chấu cắm | Tên tín hiệu |
|-------------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdB_SSTX- |
| 6 | StdB_SSTX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdB_SSRX- |
| 9 | StdB_SSRX+ |
| Shell | Tám chắn |


Cổng cắm xuôi dòng USB





| Số chấu cắm | Tên tín hiệu |
|-------------|--------------|
| 1 | VBUS |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | StdA_SSRX- |
| 6 | StdA_SSRX+ |
| 7 | GND_DRAIN |
| 8 | StdA_SSTX- |
| 9 | StdA_SSTX+ |
| Shell | Tám chắn |

Cổng USB

- 1 cổng ngược dòng - ở mặt dưới
- 4 cổng xuôi dòng - 1 ở mặt sau, 3 ở mặt dưới

Cổng nạp điện - cổng này nằm ở nắp đậy phía sau (Cổng có  biểu tượng ánh sáng); hỗ trợ khả năng nạp dòng điện nhanh nếu thiết bị tương thích với BC 1.2.


 **LƯU Ý:** Chức năng USB 3.0 cần sử dụng máy tính và các thiết bị tương thích USB 3.0.

 **LƯU Ý:** Đối với máy tính chạy Windows® 7, bạn phải cài đặt Service Pack 1 (SP1). Giao diện USB của màn hình chỉ hoạt động khi màn hình đang On (Bật) hoặc ở Power Save Mode (Chế độ tiết kiệm điện). Nếu bạn tắt màn hình rồi bật lại, có thể mất vài giây để các thiết bị ngoại vi đã kết nối tiếp tục hoạt động bình thường.

Thông số kỹ thuật đầu đọc thẻ

Tổng quan

- Đầu đọc thẻ nhớ flash là thiết bị lưu trữ USB cho phép người dùng đọc và ghi thông tin từ và vào thẻ nhớ.
- Đầu đọc thẻ nhớ flash được nhận dạng tự động bởi Microsoft® Windows® Vista, Windows® 7 Service Pack (SP1) và Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10.
- Một khi đã được lắp đặt và nhận dạng, (khe cắm) thẻ nhớ sẽ hiển thị chữ cái ổ đĩa.
- Mọi thao tác file chuẩn (sao chép, xóa, kéo và thả, v.v...) có thể được thực hiện qua ổ đĩa này.

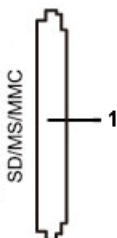
 **LƯU Ý:** Cài đặt driver cho Đầu đọc thẻ để đảm bảo các thẻ nhớ được phát hiện thích hợp khi lắp vào khe cắm.

Tính năng

Đầu đọc thẻ nhớ flash có các tính năng sau:

- Hỗ trợ các hệ điều hành Microsoft® Windows® Vista, Windows® 7 Service Pack (SP1) và Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10.
- Thiết bị Loại Lưu trữ Khối (Không cần cài đặt driver khi hoạt động với Microsoft® Windows® Vista, Windows® 7 Service Pack (SP1) và Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10).
- Hỗ trợ nhiều thiết bị thẻ nhớ khác nhau.

Bảng sau đây liệt kê các thẻ nhớ được hỗ trợ:

|  | Số khe cắm | Loại thẻ nhớ flash |
|---|------------|---|
| | 1 | MS Pro HG, High Speed Memory Stick (HSMS), Memory Stick PRO (MSPRO), Memory Stick Duo (w Adapter), MS Duo Secure Digital (Mini-SD), Secure Digital Card, Mini Secure Digital (w Adaptor), TransFlash (SD, kể cả SDHC), MultiMediaCard (MMC) |

Dung lượng thẻ tối đa được hỗ trợ bởi đầu đọc thẻ UP3216Q

| Loại thẻ | Thông số kỹ thuật hỗ trợ | Dung lượng hỗ trợ tối đa theo thông số kỹ thuật | UP3216Q |
|------------------|---|---|-------------|
| MS Pro HG | Memory Stick Pro-HG hỗ trợ tốc độ USB 3.0 | 32 GB | Được hỗ trợ |
| MS Duo | Thông số kỹ thuật Memory Stick Duo | 32 GB | Được hỗ trợ |
| SD | Thẻ nhớ SD hỗ trợ tốc độ USB 3.0 | 1 TB | Được hỗ trợ |
| MMC | Thông số kỹ thuật hệ thống thẻ đa phương tiện | 32 GB | Được hỗ trợ |

Thông số chung

| | |
|----------------------------|---|
| Kiểu kết nối | Thiết bị tốc độ cao USB 3.0 (tương thích với thiết bị tốc độ cao USB) |
| Hệ điều hành hỗ trợ | Microsoft® Windows® 7 Service Pack (SP1) và Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10 |

Tính năng Cắm Là Chạy


Bạn có thể lắp đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với chuẩn (Plug and Play) Cắm Là Chạy. Màn hình tự động cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Dạng Màn Hình Mở Rộng (EDID) liên quan qua các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự định cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Phần lớn các cài đặt màn hình đều là tự động; bạn có thể chọn các cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về cách đổi cài đặt màn hình, xem [Sử dụng màn hình](#).


Chính sách chất lượng và điểm ảnh màn hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, không hiếm khi gặp tình trạng một hoặc nhiều điểm ảnh trở nên cố định ở một trạng thái không thay đổi vốn rất khó nhận biết và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng màn hình. Để biết thêm thông tin về Chính Sách và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.

Hướng dẫn bảo dưỡng

Vệ sinh màn hình

 **CẢNH BÁO:** Đọc và thực hiện theo [Hướng dẫn an toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



 **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, hãy rút cáp nguồn màn hình khỏi ổ cắm điện.

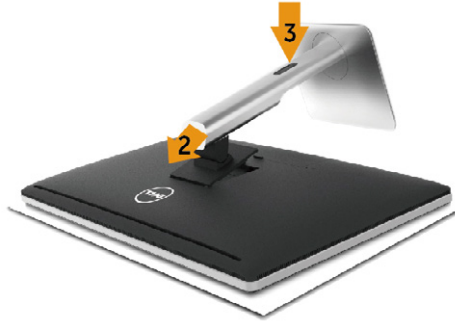
Để có được các thói quen tốt nhất, hãy thực hiện theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở thùng đựng, lau chùi hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để lau màn hình khử tĩnh điện của bạn, thấm hơi ướt khăn mềm sạch bằng nước. Nếu có thể, hãy sử dụng giấy lụa hoặc dung dịch vệ sinh màn hình đặc biệt thích hợp với lớp phủ khử tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất pha loãng, amoniac, dung dịch tẩy ăn mòn hoặc khí nén.
- Dùng khăn ẩm hơi ẩm để lau sạch màn hình. Tránh sử dụng bất kỳ loại chất tẩy rửa nào vì một số chất tẩy rửa sẽ để lại lớp màng đục trên màn hình.
- Nếu bạn nhìn thấy chất bột trắng khi mở thùng đựng màn hình, hãy dùng khăn lau sạch.
- Chăm màn hình cẩn thận vì màn hình có màu sắc tối hơn có thể bị trầy xước và hiện ra các vết mòn trắng nhiều hơn so với màn hình có màu sắc sáng hơn.
- Để giúp màn hình duy trì chất lượng hình ảnh tối ưu nhất, hãy sử dụng chế độ bảo vệ màn hình tự động thay đổi và tắt nguồn màn hình khi không sử dụng.

Lắp đặt màn hình

Gắn giá đỡ


-  **LƯU Ý:** Giá đỡ được tháo ra khỏi màn hình khi được vận chuyển từ nhà máy.
-  **LƯU Ý:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có kèm giá đỡ. Để lắp đặt với các giải pháp khác (không bắt buộc), vui lòng tham khảo sổ tay thiết lập giải pháp lắp đặt tương ứng để có được các hướng dẫn thiết lập.



Để lắp giá đỡ màn hình:

1. Tháo nắp đậy và đặt màn hình lên giá đỡ.
2. Lắp khít hai then cài ở phần trên giá đỡ vào rãnh phía sau màn hình.
3. Ấn giá đỡ xuống cho đến khi nó khóa khít.

Kết nối màn hình của bạn

 **CẢNH BÁO:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ các [Hướng dẫn an toàn](#).

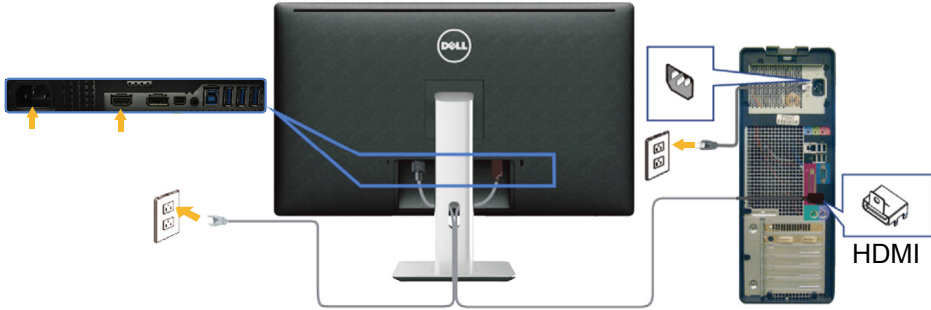
Để kết nối màn hình với máy vi tính:

1. Tắt máy tính và ngắt cáp nguồn.
2. Kết nối cáp HDMI hoặc DP (DisplayPort) với cổng video tương ứng ở phía sau máy tính.

Không dùng mọi loại cáp trên cùng một máy tính.

Sử dụng mọi loại cáp chỉ khi chúng được kết nối với các máy tính khác qua hệ thống video thích hợp.

Kết nối cáp HDMI màu đen



Kết nối cáp DisplayPort (hoặc miniDP) màu đen



Kết nối cáp USB 3.0

Sau khi bạn đã hoàn tất kết nối các cáp HDMI/DP/mDP, thực hiện theo quy trình dưới đây để cắm cáp USB 3.0 vào máy tính và hoàn tất việc lắp đặt màn hình:

1. Cắm cổng USB 3.0 ngược dòng (có cáp kèm theo) vào cổng USB 3.0 trên máy tính. (xem [Mặt dưới](#) để biết thêm chi tiết).
2. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 xuôi dòng trên màn hình.
3. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm điện gần đó.
4. Bật màn hình và máy tính.
Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh thì quy trình lắp đặt đã hoàn tất. Nếu màn hình không hiển thị một hình ảnh, xem [Khắc phục sự cố](#).
5. Sử dụng khe cắm cáp trên giá đỡ màn hình để sắp xếp các loại cáp.



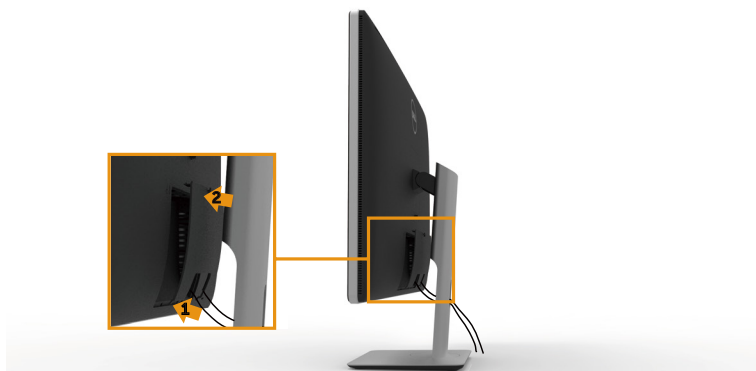
△ **CHÚ Ý:** Các hình đồ họa được sử dụng chỉ để minh họa. Hình dạng của máy tính có thể khác nhau.

Bố trí cáp



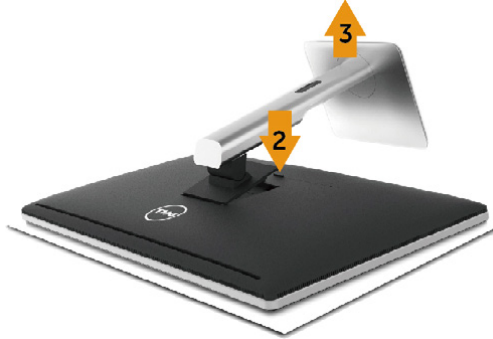
Sau khi lắp đặt mọi loại cáp cần thiết vào màn hình và máy tính, (Xem [Kết nối màn hình của bạn](#) về cách lắp đặt cáp,) sử dụng rãnh quản lý cáp để bố trí mọi loại cáp như trình bày ở trên.

Lắp nắp đậy cáp



Tháo giá đỡ màn hình

- LƯU Ý:** Để tránh màn hình LCD bị trầy xước khi tháo giá đỡ, đảm bảo đặt màn hình trên bề mặt sạch sẽ.
- LƯU Ý:** Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có kèm giá đỡ. Để lắp đặt với các giải pháp khác (không bắt buộc), vui lòng tham khảo sổ tay thiết lập giải pháp lắp đặt tương ứng để có được các hướng dẫn thiết lập.



Để tháo giá đỡ:

1. Đặt màn hình trên bề mặt phẳng.
2. Ấn và giữ nút nhả giá đỡ.
3. Nhấc giá đỡ lên và ra khỏi màn hình.

Giá treo tương (Tùy chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường tương thích chuẩn VESA.

1. Đặt màn hình lên khăn mềm hoặc nệm lót trên bàn phẳng ổn định.
2. Tháo giá đỡ.
3. Dùng tua vít tháo bốn vít siết chặt nắp nhựa.
4. Gắn giá treo từ bộ giá treo tường vào màn hình.
5. Gắn màn hình lên tường bằng cách thực hiện theo các hướng dẫn kèm theo bộ giá treo tường.

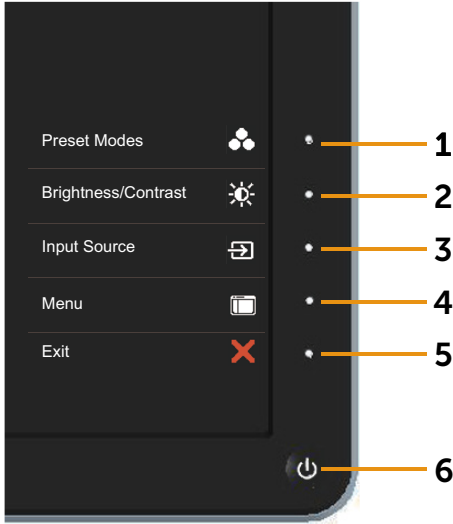


LƯU Ý: Chỉ để sử dụng với giá gắn tường đạt tiêu chuẩn GS hoặc UL hoặc CSA với trọng lượng/khả năng chịu tải tối thiểu là 8,6 kg (18,92 lb).



Sử dụng màn hình








Sử dụng các nút điều khiển mặt trước

Sử dụng các nút điều khiển ở mặt trước màn hình để điều chỉnh đặc điểm của hình đang hiển thị. Khi bạn sử dụng các nút này để điều chỉnh, menu OSD sẽ hiển thị trị số của những đặc điểm này khi thay đổi.



Bảng sau mô tả các nút ở mặt trước:





| Nút mặt trước | | Mô tả |
|---------------|--|--|
| 1 |  Nút tắt/ Chế độ cài sẵn | Sử dụng nút này để chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn. |
| 2 |  Nút tắt/ Độ sáng/Độ tương phản | Dùng nút này để truy cập trực tiếp menu “Độ sáng/Độ tương phản”. |

| | | |
|---|--|---|
| 3 |  Nút tắt/ Nguồn vào | Sử dụng nút Nguồn vào để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình. <ul style="list-style-type: none"> • Đầu vào DisplayPort • Đầu vào Mini DisplayPort • Đầu vào HDMI(MHL) Hiển thị thanh chọn nguồn. Nhấn các nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt và nhấn  để chọn nguồn đầu vào bạn muốn. |
| 4 |  Menu | Dùng nút Menu này để bật hiển thị trên màn hình (OSD) và chọn menu OSD. Xem Truy cập hệ thống menu . |
| 5 |  Thoát | Dùng nút Thoát để trở về menu chính hoặc thoát menu chính OSD. |
| 6 |  Nguồn (với đèn báo nguồn) | Dùng nút Nguồn để bật/tắt màn hình. Đèn LED trắng cho biết màn hình đang bật và hoạt động đầy đủ. Đèn LED trắng sáng chỉ Chế độ tiết kiệm điện DPMS. |

Nút mặt trước

Dùng các nút ở mặt trước màn hình để chỉnh cài đặt hình ảnh.



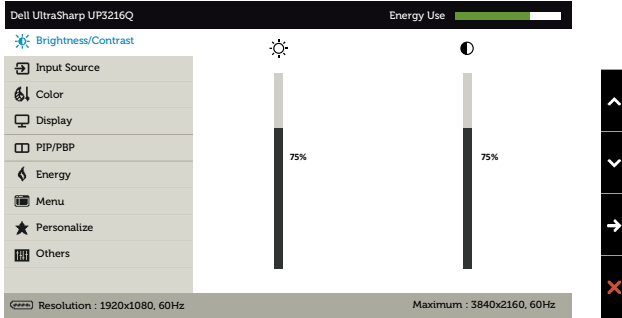
| Nút mặt trước | Mô tả |
|---------------|---|
| 1 |  Lên Dùng nút Lên để chỉnh (tăng các phạm vi) các mục trong menu OSD. |
| 2 |  Xuống Dùng nút Xuống để chỉnh (giảm các phạm vi) các mục trong menu OSD. |
| 3 |  OK Dùng nút OK để xác nhận lựa chọn của bạn. |
| 4 |  Trở về Dùng nút Trở về để trở về menu trước. |

Sử dụng menu ảo (OSD)



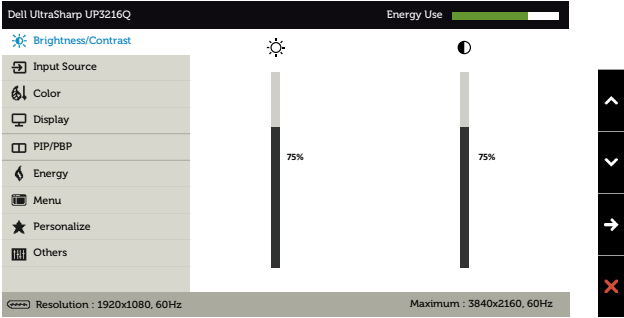




Truy cập hệ thống menu

LƯU Ý: Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiếp tục chuyển sang một menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu lại các thay đổi này. Các thay đổi cũng được lưu lại nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó đổi menu OSD biến mất.

1. Nhấn nút **Menu** để bật menu OSD và hiển thị menu chính.



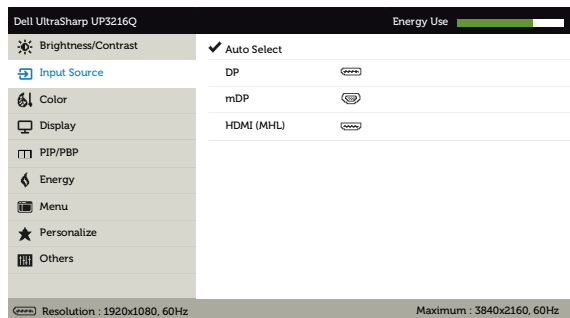
2. Nhấn các nút **▲** và **▼** để chuyển đổi giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn sẽ được bôi đậm. Xem bảng sau để biết danh sách hoàn chỉnh của tất cả tùy chọn có sẵn cho màn hình.
3. Nhấn **→** hoặc **✓** một lần để kích hoạt tùy chọn vừa bôi đậm.
4. Nhấn các nút **▲** và **▼** để chọn thông số mong muốn.
5. Nhấn nút **→** để vào thanh trượt và sau đó sử dụng các nút **▲** hoặc **▼** theo các chỉ báo trên menu để thực hiện các thay đổi.
6. Nhấn nút **↺** một lần để trở về menu chính để chọn tùy chọn khác hoặc nhấn nút **✖** hai hoặc ba lần để thoát menu OSD.

| Biểu tượng | Menu và menu phụ | Mô tả |
|--|--|--|
|  | Sử dụng nguồn điện | Biểu tượng đo này hiển thị mức điện năng đang được tiêu thụ trong thời gian thực bởi màn hình. |
|  | Độ sáng/Độ tương phản | Dùng menu này để kích hoạt điều chỉnh Độ sáng/Độ tương phản . |
|  | | |
| Độ sáng | <p>Độ sáng giúp chỉnh độ sáng của đèn nền.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 ~ tối đa 100).</p> <p>LƯU Ý: Chỉnh thủ công Độ sáng đã tắt khi Chế độ cài sẵn được cài sang CAL1 hoặc CAL2.</p> | |
| Độ tương phản | <p>Chỉnh Độ sáng trước rồi chỉnh Độ tương phản chỉ khi cần thiết phải điều chỉnh thêm.</p> <p>Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 ~ tối đa 100).</p> <p>Chức năng Độ tương phản cho phép chỉnh mức độ khác nhau giữa mức sáng và mức tối trên màn hình.</p> <p>LƯU Ý: Chỉnh thủ công Độ tương phản đã tắt khi Chế độ cài sẵn được cài sang CAL1 hoặc CAL2.</p> | |



Nguồn vào

Dùng menu **Nguồn vào** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.



Auto Select (Chọn tự động)

Dùng để chọn tính năng **Auto Select (Chọn tự động)**, màn hình sẽ dò tìm các nguồn đầu vào có sẵn.

DP

Chọn đầu vào **DisplayPort** khi bạn đang sử dụng đầu cắm DisplayPort (DP). Nhấn nút để chọn nguồn vào DisplayPort.

mDP

Chọn đầu vào **Mini DisplayPort** khi bạn đang sử dụng đầu cắm Mini DisplayPort (mDP). Nhấn nút để chọn nguồn vào Mini DisplayPort.

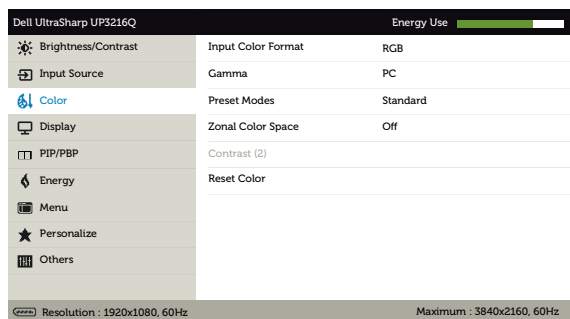
HDMI(MHL)

Chọn đầu vào **HDMI(MHL)** khi bạn đang sử dụng đầu cắm HDMI(MHL). Nhấn nút để chọn nguồn vào HDMI(MHL).



Màu sắc

Dùng menu **Cài đặt màu sắc** để chỉnh các cài đặt màu sắc màn hình.



Định dạng màu sắc đầu vào

Cho phép bạn cài chế độ đầu vào video sang:

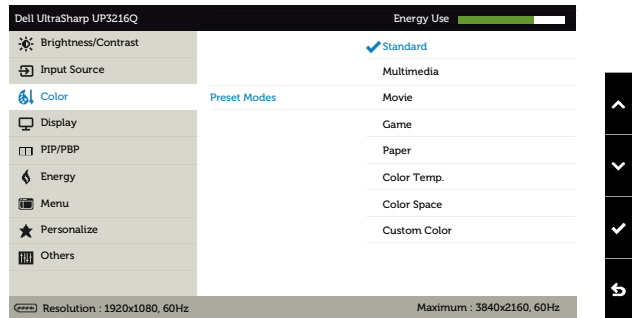
- **RGB (Đỏ-Lục-Lam):** Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính hoặc đầu phát DVD qua cáp HDMI hoặc DP/Mini DP.
- **YPbPr:** Chọn tùy chọn này nếu đầu phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.

Gama

Cho phép bạn cài Gama sang máy **PC** hoặc **MAC**.

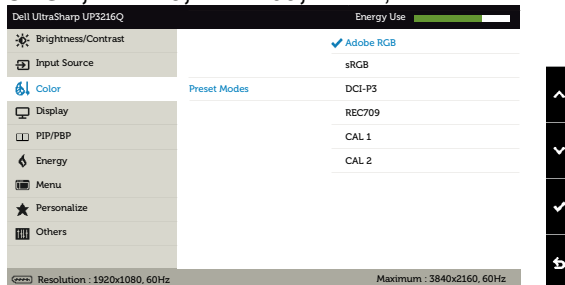
Chế độ cài sẵn

Cho phép bạn chọn từ danh sách các chế độ màu cài sẵn.



- **Chuẩn:** Nạp các cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài sẵn mặc định.
- **Đa phương tiện:** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho các ứng dụng đa phương tiện. Chỉ áp dụng cho đầu vào HDMI với cách định giờ CEA (phạm vi màu YUV).
- **Phim:** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng để xem phim. Chỉ áp dụng cho đầu vào HDMI với cách định giờ CEA (phạm vi màu YUV).
- **Trò chơi:** Nạp cài đặt màu sắc lý tưởng cho hầu hết các ứng dụng trò chơi.
- **Văn bản:** Nạp các cài đặt độ sáng và độ sắc nét để đọc văn bản. Kết hợp phòng nền văn bản để mô phỏng phương tiện văn bản mà không ảnh hưởng đến các hình màu. Chỉ áp dụng cho định dạng đầu vào RGB.

- **Nhiệt độ màu:** Màn hình hiển thị nóng hơn bằng sắc màu đỏ/vàng với thanh trượt được thiết lập ở mức 5.000K hoặc mát hơn bằng sắc màu xanh lam với thanh trượt được thiết lập ở mức 10.000K.
- **Không gian màu:** Cho phép người dùng chọn không gian màu: **Adobe RGB, sRGB, DCI-P3, REC709, CAL1, CAL2.**



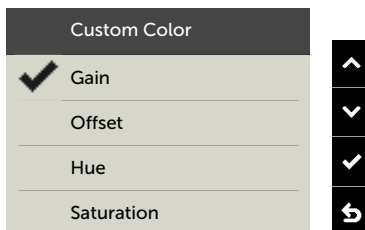
- **Adobe RGB:** Chế độ này tương thích với Adobe RGB (Bao phủ 99,5%).
- **sRGB (Đỏ-Lục-Lam chuẩn):** Mô phỏng 100% sRGB.
- **DCI-P3:** Chế độ này bằng 87% tiêu chuẩn chiếu phim kỹ thuật số DCI-P3.
- **REC709:** Chế độ này phù hợp với tiêu chuẩn 100% Ghi 709.
- **CAL1/CAL2:** Chế độ cài sẵn do người dùng hiệu chỉnh qua Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoặc phần mềm khác do Dell chấp nhận. Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoạt động với thiết bị đo màu X-rite i1Display Pro. Có thể mua thiết bị đo màu i1Display Pro từ trang web Hàng điện tử, Phần mềm và Phụ kiện của Dell.

LƯU Ý: Độ chính xác của **sRGB, Adobe RGB, DCI-P3, REC709, CAL1** và **CAL2** được tối ưu hóa cho định dạng màu đầu vào RGB.

LƯU Ý: Cài về mặc định gốc sẽ xóa mọi dữ liệu đã hiệu chỉnh trong **CAL1** và **CAL2**.

- **Màu tùy chỉnh:** Cho phép bạn tự chỉnh thủ công các cài đặt màu sắc. Nhấn nút ▲ và ▼ để chỉnh các giá trị Red (Đỏ), Green (Lục) và Blue (Lam) và tạo chế độ màu cài sẵn riêng của bạn.

Sử dụng các nút ▲ và ▼ để chọn Gain (Tăng cường), Offset (Độ bù), Hue (Độ màu), Saturation (Độ bão hòa).



- **Tăng cường:** Chọn nó để chỉnh mức tăng cường tín hiệu RGB đầu vào (giá trị mặc định là 100).
- **Độ bù:** Chọn nó để chỉnh độ bù mức đen RGB (giá trị mặc định là 50) nhằm điều chỉnh màu gốc màn hình của bạn.
- **Độ màu:** Chọn để chỉnh riêng giá trị độ màu RGBCMY (giá trị mặc định là 50).
- **Độ bão hòa:** Chọn để chỉnh riêng giá trị độ bão hòa RGBCMY (giá trị mặc định là 50).

Không gian màu theo đối

Cho phép bạn hiển thị các không gian màu khác nhau ở nửa bên trái và bên phải màn hình. Khi Không gian Màu Theo Vùng Bật, nửa bên phải vẫn giữ không gian màu được chọn hiện tại. Bạn có thể chọn không gian màu của nửa bên trái với các tùy chọn trong danh sách.

- **Tắt:** Vô hiệu hóa tính năng không gian màu phân vùng.
- **Adobe RGB:** Chế độ này tương thích với Adobe RGB (Bao phủ 99,5%).
- **sRGB (Đỏ-Lục-Lam chuẩn):** Mô phỏng 100% sRGB.
- **DCI-P3:** Chế độ này bằng 87% tiêu chuẩn chiếu phim kỹ thuật số DCI-P3.
- **REC709:** Chế độ này phù hợp với tiêu chuẩn 100% Ghi 709.
- **CAL1/CAL2:** Chế độ cài sẵn do người dùng hiệu chỉnh qua Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoặc phần mềm khác do Dell chấp nhận. Phần mềm hiệu chỉnh màu Dell Ultrasharp hoạt động với thiết bị đo màu X-rite i1Display Pro. Có thể mua thiết bị đo màu i1Display Pro từ trang web Hàng điện tử, Phần mềm và Phụ kiện của Dell.

LƯU Ý: Khi bật **Không gian màu theo đối**, phía bên trái màn hình sẽ áp dụng cài đặt độ sáng của phía bên phải. **Bù đồng nhất** và **Tương phản Động** sẽ tắt.

LƯU Ý: Để đảm bảo độ chính xác màu tối ưu, không nên điều chỉnh cài đặt **Tương phản** hoặc **Độ sáng** sau khi hiệu chỉnh **CAL1** và **CAL2**. Nên hiệu chỉnh **CAL1** và **CAL2** về cùng mức sáng mong muốn trước khi bật **Không gian màu theo đối**.

Tương phản (2)

Cho phép bạn điều chỉnh độ tương phản ở phía bên trái màn hình khi Chế độ **Không gian màu theo đối** và/hoặc **PIP/PBP** bật.

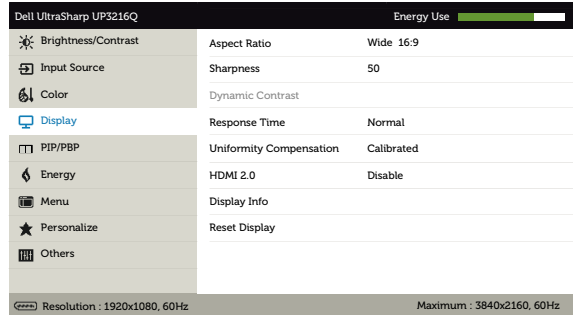
Reset Color (Đặt lại cài đặt màu)

Đặt lại cài đặt màu màn hình về thiết lập lúc xuất xưởng.



Hiển thị



Dùng Cài đặt hiển thị để chỉnh hình ảnh.



Tỷ lệ khung hình

Chỉnh tỷ lệ hình sang **Rộng 16:9**, **Tự chỉnh kích cỡ**, **4:3** hoặc **1:1**.

Độ sắc nét

Tính năng này có thể giúp cho hình ảnh trông sắc nét hoặc mềm mại hơn. Dùng  hoặc  để chỉnh độ sắc nét từ '0' đến '100'.

Dynamic Contrast (Độ tương phản động)

Cho phép bạn tăng độ tương phản để mang lại chất lượng hình ảnh sắc nét và chi tiết hơn.

Nhấn nút  để chuyển **Dynamic Contrast (Độ tương phản động)** sang "On" (Bật) hoặc "Off" (Tắt).

LƯU Ý: Dynamic Contrast (Độ tương phản động) cung cấp độ phân giải cao hơn nếu bạn chọn chế độ cài sẵn **Game (Trò chơi)** hoặc **Movie (Phim)**.

Response Time (Thời gian đáp ứng)

Cho phép bạn cài **Response Time (Thời gian đáp ứng)** sang **Normal (Thường)** hoặc **Fast (Nhanh)**.

Độ bù đồng nhất

Chọn các cài đặt độ bù sáng và màu sắc màn hình. Đã hiệu chỉnh là cài đặt hiệu chỉnh gốc theo mặc định.

Độ bù đồng nhất điều chỉnh các vùng khác nhau của màn hình hướng về tâm để đạt độ sáng và màu sắc đồng nhất trên toàn màn hình.

HDMI2.0

Đối với công tắc HDMI1.4/HDMI2.0.

LƯU Ý: Đảm bảo Card đồ họa có thể hỗ trợ những tính năng này trước khi chọn HDMI2.0.

Cài đặt sai có thể dẫn đến màn hình trống.

Hiển thị thông tin

Hiển thị cài đặt hiện tại của màn hình.

Thiết lập lại cài đặt hiển thị

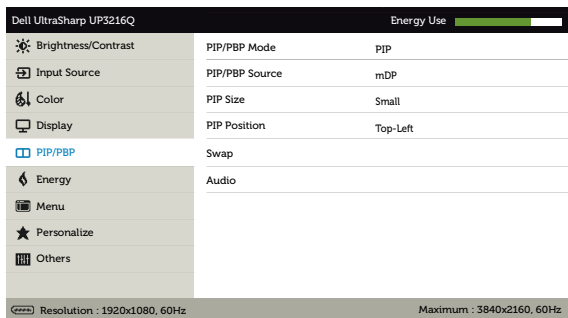
Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt hiển thị mặc định.



PIP/PBP

Chức năng này sẽ mang đến cửa sổ hiển thị hình ảnh từ nguồn đầu vào khác. Vì vậy bạn có thể xem hai hình ảnh từ các nguồn khác nhau cùng lúc.

Trong suốt chu kỳ nguồn điện DC/AC, cài đặt PIP/PBP sẽ chỉ được tắt nếu không có tín hiệu “nguồn chính”.



| Cửa sổ bên phải (chọn từ Nguồn vào) | Cửa sổ bên trái (chọn từ nguồn PIP/PBP) | | |
|--|---|----|-----------|
| | Mini DP | DP | HDMI(MHL) |
| Mini DP | X | X | √ |
| DP | X | X | √ |
| HDMI(MHL) | √ | √ | X |

PIP/PBP Mode (Chế độ PIP/ PBP)





Điều chỉnh model PBP (Hình ảnh-Hình ảnh) thành PIP Nhỏ, PIP Lớn, Tỷ lệ Hình dạng PBP hoặc Lấp đầy PBP. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn Tắt.

PIP/PBP Source (Nguồn PIP/ PBP)

Chọn chức năng PIP hoặc PBP.

PIP Size (Kích cỡ PIP)

Chọn kích cỡ cửa sổ PIP/PBP là Lớn hoặc Nhỏ.

| | |
|----------------------------------|---|
| PIP Position (Vị trí PIP) | Chọn vị trí cửa sổ phụ PIP. Sử dụng  hoặc  để duyệt qua và  hoặc  để chọn Trên cùng bên trái, Trên cùng bên phải, Dưới cùng bên phải hoặc Dưới cùng bên trái. |
| Hoán đổi | Đối với hoán đổi nguồn PIP/PBP. |
| Âm thanh | Đối với hoán đổi Âm thanh PIP/PBP. |

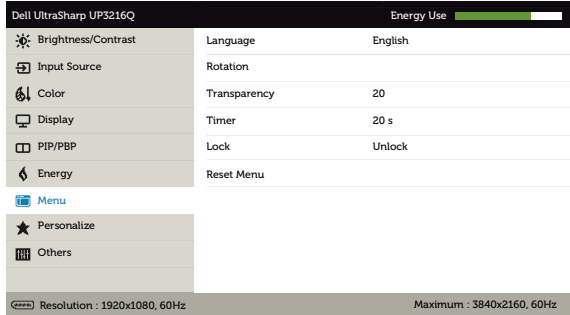




Năng lượng

| | |
|---|---|
| Đèn LED nguồn | Cho phép bạn cài đèn báo LED nguồn sang Bật hoặc Tắt . |
| USB | Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB ở chế độ chờ màn hình. LƯU Ý: USB ON/OFF (USB BẬT/TẮT) ở chế độ chờ chỉ có sẵn khi đã ngắt cáp ngược dòng USB. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cắm cáp ngược dòng USB. |
| Chế độ chờ màn hình | Cho phép bạn cài Chế độ chờ màn hình sang Bật hoặc Tắt . |
| Thiết lập lại cài đặt nguồn điện | Chọn tùy chọn này để phục hồi Cài đặt nguồn điện mặc định. |



Menu

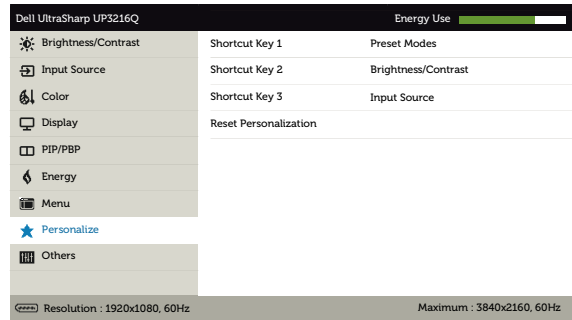


| | |
|-----------------------------------|---|
| Ngôn ngữ | Tùy chọn ngôn ngữ để cài hiển thị OSD sang một trong tám ngôn ngữ (Anh, Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha Braxin, Nga, Hoa Giản Thể hoặc Nhật). |
| Rotation (Xoay) | Xoay menu OSD 90 độ ngược chiều kim đồng hồ. Bạn có thể chỉnh menu theo hướng xoay màn hình. |
| Độ trong suốt | Chức năng này dùng để thay đổi phong nền OSD từ mờ sang trong suốt. |
| Hẹn giờ | Cài thời lượng mà menu OSD sẽ tiếp tục hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối. Dùng nút  và  để chỉnh thanh trượt tăng thêm 1 giây từ 5 đến 60 giây. |
| Khóa | Kiểm soát truy cập người dùng vào các điều chỉnh. Khi đã chọn Khóa , bạn không được phép thực hiện các điều chỉnh người dùng. Tất cả các nút đều bị khóa. LƯU Ý: Chức năng Khóa – Khóa mềm (qua menu OSD) hoặc khóa cứng (Nhấn và giữ nút phía trên nút nguồn trong 10 giây) Chức năng Mở khóa – Chỉ có mở khóa cứng (Nhấn và giữ nút phía trên nút nguồn trong 10 giây) |
| Thiết lập lại cài đặt menu | Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt Menu mặc định. |



Cá nhân hóa

Người dùng có thể chọn từ **Chế độ cài sẵn**, **Độ sáng/Độ tương phản**, **Nguồn vào**, **Tỉ lệ khung hình**, **Chế độ PIP/PBP**, **Xoay** và cài đặt làm phím tắt.



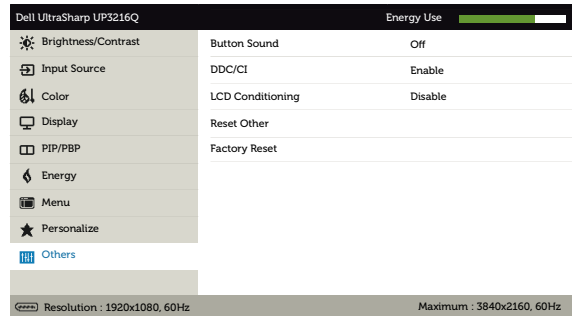
Cài lại cá nhân hóa

Cho phép bạn phục hồi phím tắt về cài đặt mặc định.



Khác

Chọn tùy chọn này để chỉnh các cài đặt OSD như DDC/CI, LCD conditioning (Điều tiết màn hình LCD), V.V...



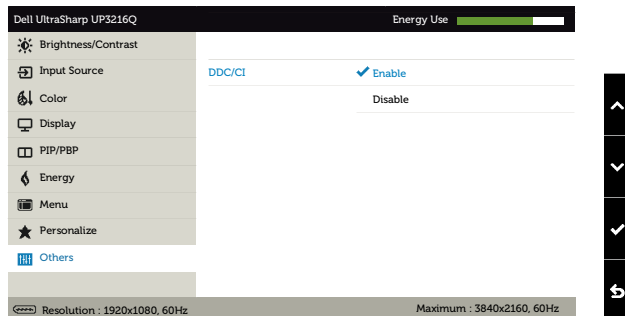
Âm thanh nút

Màn hình phát tiếng bíp mỗi khi tùy chọn mới được chọn trong menu. Nút này bật hoặc tắt âm thanh.

DDC/CI

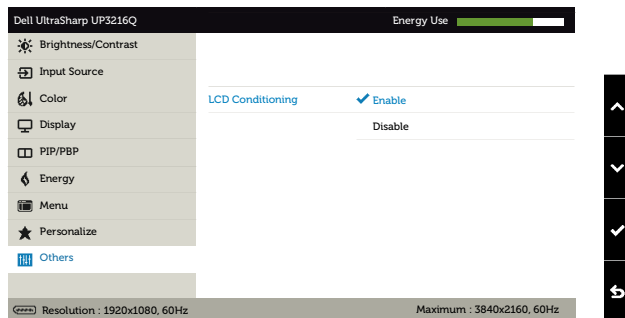
DDC/CI (Hiển thị kênh dữ liệu/giao diện lệnh) cho phép điều chỉnh các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, ...) qua phần mềm trên máy tính của bạn. Bạn có thể tắt tính năng này bằng cách chọn **Tắt**.

Bật chức năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và mang lại hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



Điều tiết màn hình LCD

Giúp giảm bớt các trường hợp giữ ảnh không đáng kể. Tùy vào mức độ giữ ảnh, chương trình có thể cần thời gian để khởi động. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **Bật**.



Thiết lập lại cài đặt khác

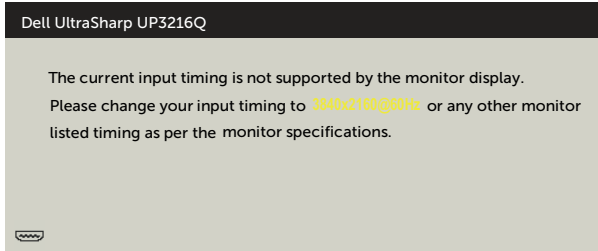
Chọn tùy chọn này để phục hồi các cài đặt mặc định khác như DDC/CI.

Cài về mặc định gốc

Thiết lập lại mọi cài đặt OSD về giá trị mặc định gốc.

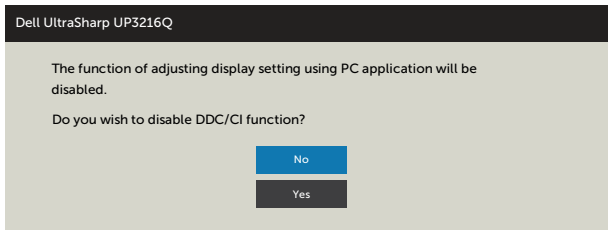
Thông tin cảnh báo OSD

Khi màn hình không hỗ trợ chế độ phân giải cụ thể, bạn sẽ nhìn thấy thông báo sau:

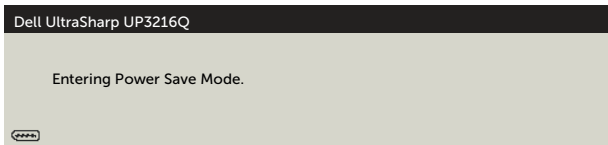


Điều này nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với tín hiệu đang nhận được từ máy tính. Xem [Thông số kỹ thuật màn hình](#) để biết các biên độ tần số Ngang và Dọc do màn hình này truyền phát. Chế độ khuyên dùng là 3840 x 2160.

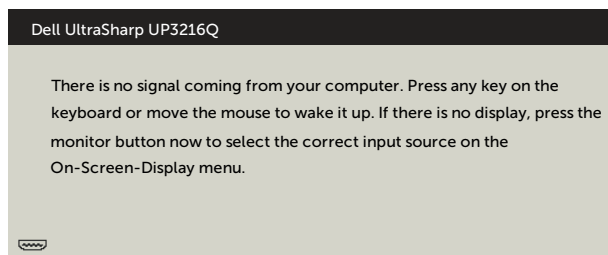
Bạn sẽ nhìn thấy thông điệp sau trước khi bật chức năng DDC/CI.



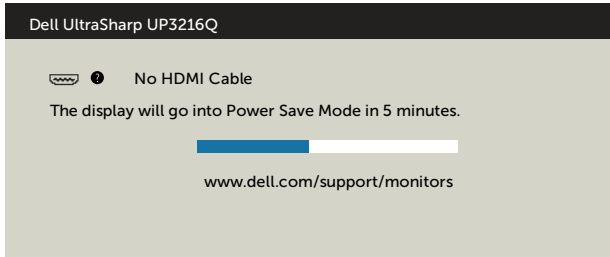
Khi màn hình vào **Chế độ tiết kiệm điện**, thông báo sau đây sẽ hiển thị:



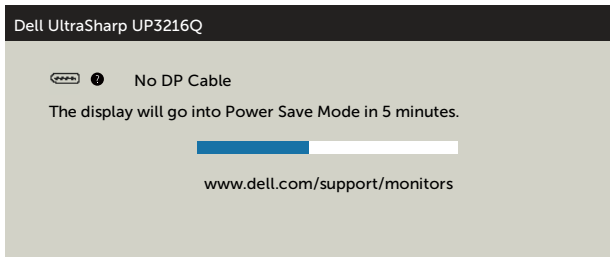
Kích hoạt máy tính và khởi động lại màn hình để truy cập menu [OSD](#). Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào trừ nút nguồn thì một trong các thông báo sau đây sẽ hiển thị tùy lựa chọn đầu vào:



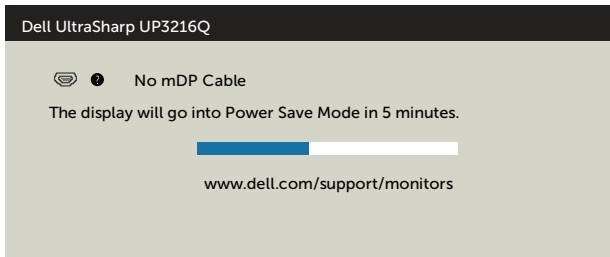
Nếu đã chọn đầu vào HDMI, DP hoặc m-DP và chưa kết nối cáp tương ứng, hộp thoại di động như minh họa dưới đây sẽ hiển thị.



hoặc



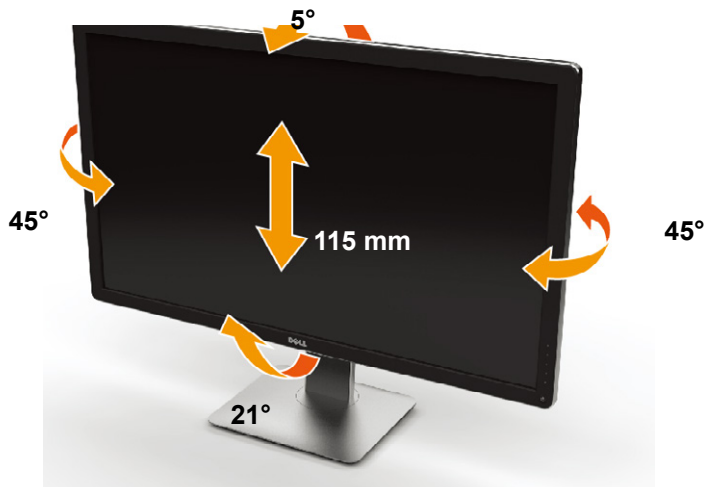
hoặc



Xem [Khắc phục sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Sử dụng các tính năng Tilt (Nghiêng), Swivel (Xoay) và Vertical Extension (Kéo dài thẳng)

LƯU Ý: Tùy chọn này chỉ áp dụng cho màn hình có kèm giá đỡ. Khi mua bất kỳ loại giá đỡ nào khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt giá đỡ tương ứng để biết cách lắp đặt.



LƯU Ý: Giá đỡ được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

Khắc phục sự cố

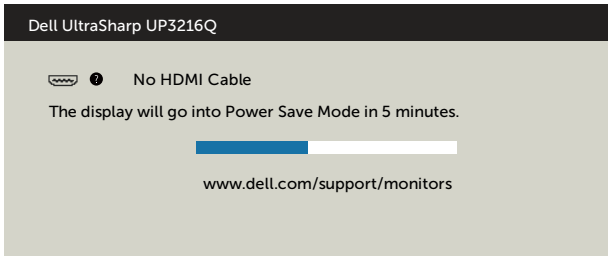
△ **CHÚ Ý:** Trước khi bắt đầu bất cứ quy trình nào ở phần này, hãy tuân thủ [Hướng dẫn an toàn](#).

Tự kiểm tra

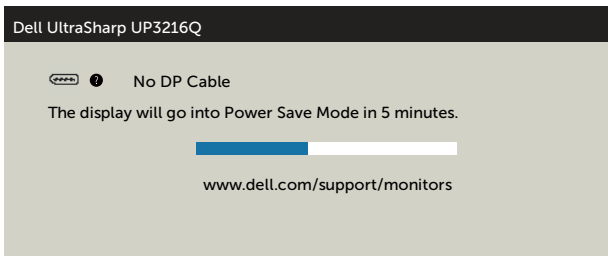
Màn hình cung cấp chức năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình có đang hoạt động đúng cách hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, hãy chạy tùy chọn tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện theo các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Rút cáp video khỏi mặt sau máy tính.
3. Bật màn hình.

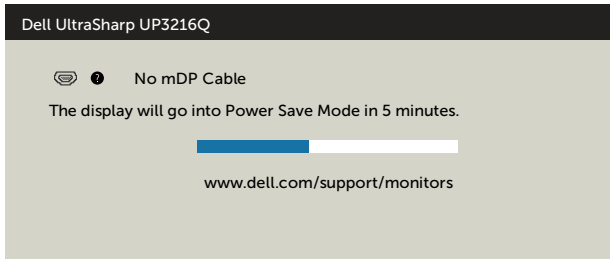
Hộp thoại di động sẽ hiển thị trên màn hình (đối diện với phông nền đen) nếu màn hình không thể nhận tín hiệu video nhưng vẫn hoạt động thích hợp. Khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn sẽ vẫn có màu trắng. Ngoài ra, tùy theo đầu vào đã chọn, một trong các hộp thoại liệt kê dưới đây sẽ liên tục cuộn qua màn hình.



hoặc



hoặc



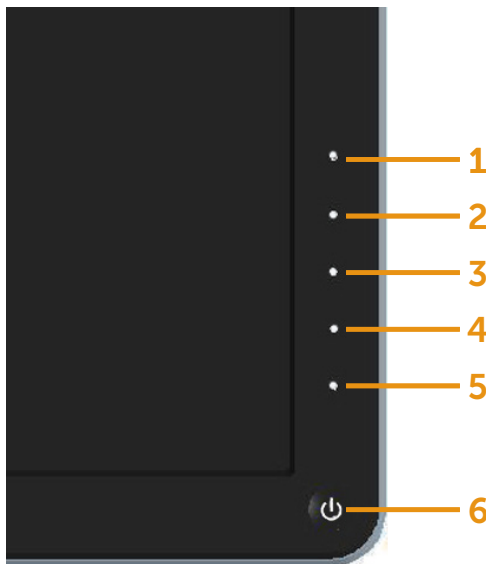
4. Hộp thoại này cũng hiển thị trong khi sử dụng hệ thống bình thường nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình vẫn trống sau khi áp dụng quy trình trên, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính vì màn hình của bạn đang hoạt động đúng cách.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp bạn xác định xem hoạt động bất thường của màn hình mà bạn đang gặp phải có phải là sự cố vốn có của màn hình hay của máy tính và card video.

LƯU Ý: Bạn chỉ có thể chạy công cụ chẩn đoán tích hợp khi rút cáp video và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chế độ chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có các hạt bụi trên bề mặt màn hình).
2. Rút (các) cáp video khỏi mặt sau máy tính hoặc màn hình. Màn hình lúc này chuyển sang chế độ tự kiểm tra.
3. Nhấn và giữ đồng thời Nút **1** và Nút **4** ở mặt trước trong 2 giây. Màn hình màu xám sẽ hiển thị.
4. Kiểm tra kỹ màn hình để phát hiện các bất thường.
5. Nhấn lại Nút **4** ở mặt trước. Màn hình sẽ chuyển sang màu đỏ.
6. Kiểm tra màn hình để phát hiện bất kỳ bất thường nào.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra hiển thị trong các màn hình màu lục, lam, đen và trắng.

Kiểm tra sẽ hoàn tất khi màn hình màu trắng hiển thị. Để thoát, nhấn lại Nút **4**.

Nếu không phát hiện bất cứ bất thường nào đối với màn hình sau khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp thì màn hình đang hoạt động đúng cách. Kiểm tra card video và máy tính.

Các sự cố thường gặp

Bảng sau đây cung cấp thông tin chung về các sự cố màn hình thường gặp mà bạn có thể gặp phải và các giải pháp khả thi:

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|------------------------------|-------------------------------|---|
| Chưa tắt đèn LED video/Nguồn | Không có hình | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video đang kết nối với màn hình, và máy tính được kết nối đúng cách và an toàn.• Kiểm tra xem ổ cắm điện có đang hoạt động đúng cách với bất kỳ thiết bị điện nào khác hay không.• Đảm bảo nút nguồn được ấn xuống hết.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Nguồn vào.• Đánh dấu tùy chọn Nút đèn LED nguồn dưới thẻ Cài đặt nguồn điện trong menu OSD |
| Chưa bật đèn LED video/Nguồn | Không có hình hoặc không sáng | <ul style="list-style-type: none">• Tăng mức chỉnh độ sáng & độ tương phản qua menu OSD.• Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra.• Kiểm tra xem chấu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không.• Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo đã chọn nguồn vào thích hợp qua menu Nguồn vào. |
| Thiếu điểm ảnh | Màn hình LCD có các chấm | <ul style="list-style-type: none">• Chu kỳ bật/tắt nguồn.• Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |

| | | |
|-----------------------------|--|--|
| Điểm ảnh bị dính | Màn hình LCD có các chấm sáng | <ul style="list-style-type: none"> • Chu kỳ bật/tắt nguồn. • Điểm ảnh tắt vĩnh viễn là lỗi tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ màn hình LCD. • Để biết thêm thông tin về Chính Sách và Điểm Ảnh Màn Hình Dell, hãy xem trang Hỗ trợ của Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Sự cố độ sáng | Hình quá mờ hoặc quá sáng | <ul style="list-style-type: none"> • Thiết lập màn hình về Cài đặt mặc định. • Chỉnh các mức độ sáng & độ tương phản qua menu OSD. |
| Sự cố liên quan đến an toàn | Các dấu hiệu khói hay tia lửa có thể nhìn thấy | <ul style="list-style-type: none"> • Không thực hiện bất kỳ bước khắc phục sự cố nào. • Liên hệ Dell ngay tức thì. |
| Sự cố gián đoạn | Giám sát hồng hóc bật & tắt | <ul style="list-style-type: none"> • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Thiết lập màn hình về Cài đặt mặc định. • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem sự cố gián đoạn có xuất hiện ở chế độ tự kiểm tra hay không. |
| Thiếu màu sắc | Hình ảnh thiếu màu sắc | <ul style="list-style-type: none"> • Thực hiện kiểm tra bằng tính năng tự kiểm tra. • Đảm bảo cáp video kết nối màn hình với máy tính được kết nối đúng cách và an toàn. • Kiểm tra xem đầu cắm có bị cong hoặc gãy trong đầu cắm cáp video hay không. |

| | | |
|--|--|---|
| <p>Màu sắc không đúng</p> | <p>Màu sắc hình ảnh không đẹp</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Thử dùng Chế độ cài sẵn màu khác trong menu OSD Cài đặt màu. • Đổi Định dạng màu đầu vào sang RGB hoặc YPbPr trong menu OSD Cài đặt màu. • Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| <p>Lỗi giữ ảnh từ ảnh tĩnh vẫn còn lưu giữ trên màn hình trong một thời gian dài</p> | <p>Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị sẽ xuất hiện trên màn hình</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Sử dụng tính năng Quản lý nguồn để tắt màn hình vào bất cứ lúc nào không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế độ quản lý nguồn). • Ngoài ra, cũng có thể sử dụng chức năng bảo vệ màn hình thay đổi tự động. |

Sự cố liên quan đến sản phẩm

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|--|--|---|
| Ảnh màn hình quá nhỏ | Ảnh được canh giữa màn hình nhưng không hiển thị trên toàn bộ vùng xem | <ul style="list-style-type: none"> Đánh dấu cài đặt Tỉ lệ khung hình trong menu OSD Cài đặt hiển thị Thiết lập màn hình về Cài đặt mặc định. |
| Không thể điều chỉnh màn hình bằng các nút ở mặt trước | Menu OSD không hiển thị trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại rồi bật lại màn hình. |
| Không có tín hiệu đầu vào khi nhấn các nút điều khiển người dùng | Không có hình, đèn LED màu trắng | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn bất kỳ phím nào trên bàn phím. Kiểm tra để đảm bảo Nguồn video cho đến DisplayPort hoặc Mini DisplayPort hoặc HDMI đã được bật nguồn và đang phát thiết bị video. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng cách hay không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần thiết. Khởi động lại máy tính hoặc đầu phát video. |
| Ảnh không hiển thị toàn màn hình | Ảnh không lấp đầy chiều cao hay trải rộng trên toàn màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của các đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị trên toàn màn hình. Chạy công cụ chẩn đoán tích hợp. |
| Không thể xem cài đặt Màn hình Post hoặc Vbios | Có thể bỏ qua cài đặt màn hình post hoặc Vbios trong khi khởi động | <ul style="list-style-type: none"> Tắt chế độ chờ trong màn hình và khởi động lại PC. Tắt Chế độ chờ màn hình trong menu OSD Cài đặt nguồn điện rồi khởi động lại PC để hiển thị màn hình Post hoặc Vbios. |

| | | |
|---|---------------------|--|
| <p>Không có hình ảnh khi dùng kết nối DP với PC</p> | <p>Màn hình đen</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Xác nhận xem card đồ họa của bạn được chứng nhận theo chuẩn DP nào (DP1,1a hay DP1,2). Tải về và cài đặt driver card đồ họa mới nhất. • Một số card đồ họa DP1,1a không thể hỗ trợ các màn hình DP1,2. Đến menu OSD, dưới Nguồn Đầu vào, nhấn giữ DP, chọn phím V trong 8 giây để thay đổi cài đặt màn hình từ DP 1.2 sang DP 1.1a. |
|---|---------------------|--|

Khắc phục lỗi đầu đọc thẻ


△ **CHÚ Ý:** Đừng tháo thiết bị trong khi đọc hoặc ghi nội dung thẻ nhớ. Điều này có thể gây mất dữ liệu hoặc hỏng hóc trong thẻ nhớ.

| Sự cố | Nguyên nhân | Giải pháp |
|---|----------------------------------|--|
| Chưa gán chữ cái cho ổ đĩa. (Chỉ Windows® XP) | Xung đột với chữ cái ổ đĩa mạng. | <ul style="list-style-type: none">– Nhấp đôi biểu tượng My Computer trên màn hình nền.– Nhấp Manage.– Trong cửa sổ Computer Management hiển thị, chọn Disk Management.– Trong danh sách ổ đĩa hiển thị ở cửa sổ bên phải, nhấp đôi removable drive (ổ đĩa rời) rồi nhấp Change Drive Letter and Paths.– Chọn Change, và trong ô hiển thị sổ xuống, chọn chữ cái cho ổ đĩa rời đó. <p>LƯU Ý: Khi chọn chữ cái ổ đĩa, hãy chọn chữ cái chưa được gán cho các ổ đĩa mạng ánh xạ.</p> <ul style="list-style-type: none">– Nhấp OK rồi nhấp lại OK lần nữa trong màn hình hiển thị. |
| Chữ cái ổ đĩa đã được gán, nhưng thẻ nhớ không thể truy cập | Thẻ nhớ cần định dạng lại. | <ul style="list-style-type: none">• Nhấp file ổ đĩa trong Explorer và chọn Format từ menu hiển thị. |

| | | |
|--|--|--|
| <p>Thẻ nhớ đã bị nhả ra trong khi ghi hoặc xóa dữ liệu.</p> | <p>Hiện thị thông báo lỗi: “Lỗi sao chép file hoặc thư mục.” Hiện thị thông báo lỗi: “Không thể ghi thư mục (tên thư mục) hoặc file (tên file)” trong khi ghi dữ liệu, hoặc “Không thể xóa thư mục (tên thư mục) hoặc file (tên file)”. Trong khi xóa, bạn không thể ghi hoặc xóa dữ liệu trong thư mục hoặc file trùng tên.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Lắp lại thẻ nhớ và ghi hoặc xóa lại. • Định dạng thẻ nhớ để ghi hoặc xóa thư mục hoặc file trùng tên. |
| <p>Dù biến mất cửa sổ bật lên, thẻ nhớ đã được nhả ra trong khi đèn LED nhấp nháy.</p> | <p>Dù cửa sổ bật lên biến mất trong khi ghi dữ liệu, nếu bạn nhả thẻ nhớ ra trong khi đèn LED vẫn đang nhấp nháy, thì bạn không thể hoàn tất thao tác trên thiết bị đó.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Định dạng thẻ nhớ để ghi hoặc xóa thư mục hoặc file trùng tên. |
| <p>Không thể định dạng hoặc ghi trên thẻ nhớ.</p> | <p>Đã bật nút chống ghi.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra xem nút chống ghi của thẻ nhớ đã được mở khóa hay chưa. |
| <p>Đầu đọc thẻ đang hoạt động</p> | <p>Giao diện USB hiện không hoạt động.</p> | <ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra xem màn hình đã được bật nguồn hay chưa. • Kết nối lại cáp ngược dòng từ máy tính với màn hình. • Lắp lại thẻ nhớ. • Tắt rồi bật lại màn hình. • Khởi động lại máy tính |

Phụ lục

CẢNH BÁO: Hướng dẫn an toàn

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng các nút điều khiển, điều chỉnh hoặc các quy trình khác ngoài các quy trình được nêu rõ trong tài liệu này có thể khiến người dùng dễ bị điện giật, gặp các rủi ro về điện và/hoặc cơ học.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, hãy xem Thông tin An toàn, Môi trường và Quy định (SERI).

Thông báo FCC (Chỉ áp dụng ở Mỹ) và Thông tin Quy định Khác

Về các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ tại: http://www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ Dell

Đối với các khách hàng ở Mỹ, hãy gọi số 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **LƯU Ý:** Nếu không có kết nối Internet hoạt động, bạn có thể tìm thấy thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, danh sách đóng gói, hóa đơn hoặc danh mục sản phẩm Dell của mình.

Dell cung cấp nhiều tùy chọn dịch vụ và hỗ trợ qua mạng và qua điện thoại. Khả năng có sẵn dịch vụ sẽ khác nhau ở mỗi quốc gia và sản phẩm, một số dịch vụ có thể không có sẵn tại khu vực của bạn. Để liên hệ với Dell về các vấn đề bán hàng, hỗ trợ kỹ thuật hoặc dịch vụ khách hàng:

1. Visit <http://www.dell.com/support/>.
2. Xác minh quốc gia hoặc khu vực của bạn trong menu sổ xuống "Choose A Country/Region" (Chọn một quốc gia/khu vực) ở phía dưới trang web.
3. Nhấp Contact Us (Liên hệ) ở bên trái trang web.
4. Chọn liên kết dịch vụ hoặc hỗ trợ thích hợp dựa vào nhu cầu của bạn.
5. Chọn cách liên hệ với Dell mà tiện lợi cho bạn.

Cài đặt màn hình

Cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 (tối đa)

Để đạt hiệu suất tối ưu, cài độ phân giải màn hình sang 3840 x 2160 pixel bằng cách thực hiện các bước sau:


Trong Windows® 7 hoặc Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng Desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền và nhấp **Screen Resolution (Độ phân giải màn hình)**.
3. Nhấp vào danh sách Độ phân giải màn hình sổ xuống và chọn **3840 x 2160**.
4. Nhấp **OK**.

Nếu không nhìn thấy độ phân giải khuyến dùng như một tùy chọn thì bạn có thể cần cập nhật driver đồ họa. Hãy chọn tình huống dưới đây mô tả tốt nhất về hệ thống máy tính bạn đang sử dụng và thực hiện theo các hướng dẫn có sẵn.

Máy tính Dell


1. Truy cập www.dell.com/support, nhập thẻ dịch vụ của bạn và tải về driver mới nhất cho card đồ họa.
2. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 3840 x 2160.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải sang 3840 x 2160, vui lòng liên hệ với Dell để hỏi thông tin về card đồ họa có hỗ trợ các độ phân giải này.

Máy tính không phải của Dell

Trong Windows® 7 hoặc Windows® 8/Windows® 8.1/Windows® 10:

1. Đối với Windows 8 hoặc Windows 8.1, chọn biểu tượng desktop (Màn hình nền) để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp phải vào màn hình nền máy vi tính và nhấp **Đổi cài đặt màn hình**.
3. Nhấp **Advanced Settings (Cài đặt nâng cao)**.
4. Xác định nhà cung cấp bộ điều khiển đồ họa của bạn từ phần mô tả ở phía trên cửa sổ (ví dụ: NVIDIA, ATI, Intel, v.v...).
5. Tham khảo trang web nhà cung cấp card đồ họa để cập nhật driver (ví dụ: <http://www.ATI.com> hoặc <http://www.NVIDIA.com>).
6. Sau khi cài đặt driver cho card đồ họa, thử cài lại độ phân giải sang 3840 x 2160.

 **LƯU Ý:** Nếu bạn không thể cài độ phân giải khuyến dùng, hãy liên hệ với nhà sản xuất máy tính hoặc cân nhắc mua card đồ họa có hỗ trợ độ phân giải video.